UBND PHƯỜNG HỘI AN TÂY
TRUNG TÂM CUNG ỨNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Biểu số 03

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2026

Đvt: ***Triệu đồng***.

TT	Họ và tên		Hệ số lương và các khoản phụ cấp											Nhu cầu kinh phí năm 2026			
			Tổng cộng hệ số	*Trong đó:*										Tổng cộng	*Trong đó:*		
				Hệ số lương theo ngạch bậc, chức vụ	Hệ số các khoản phụ cấp								Các khoản đóng góp theo lương (BHXH, YT, TN)		Lương 1,49	CCTL	
					Tổng cộng	Trong đó:										CCTL (CL: 1,49-2.34/2,53)	Quỹ tiền thưởng
						Chức vụ	TNVK	Khu vực	Công vụ	UĐ; PC Đảng, đoàn thể	Đặc thù; thâm niên nghề	Trách nhiệm	Khác				
A	*B*	*C*	*1=2+3+12*	*2*	*3=4+...+11*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13=14+15+16*	*14=1*1,49*12T*	*15=(1*0.85*6T)+(1*1.04*6T)*	*16=2*(6*2.34+6*2.53)*10%*
1	Trang Quốc Tài	TSC	4.85	3.99	0.00									0.86	153.31	86.68	54.97	11.66
2	Lê Ngọc Nhân	TSC	2.84	2.34	0.00									0.50	89.91	50.83	32.24	6.84
3	Nguyễn Vũ Hàn Ny	Kế toán	3.75	3.00	0.10							0.1		0.65	118.19	66.96	42.47	8.77
4	Trần Đình Thông	Bảo vệ nhà hát	4.65	3.48	0.35		0.35							0.82	43.53	27.72	15.81	0.00
5	Lê Văn Hùng	QL NTLS												14.49	81.88	81.88	0.00	0.00
6	Nguyễn Văn Biên	QL NTLS												12.20	68.96	68.96	0.00	0.00
7	Lương Thị Thủy	NV hỗ trợ PV												13.68	77.33	77.33	0.00	0.00
	Lương hệ số từ tháng 11		3.30	2.72										0.58	18.10	9.85	6.87	1.38
8	Nguyễn Văn Tuấn	NV hỗ trợ PV												20.07	113.44	113.44	0.00	0.00
	Lương hệ số từ tháng 11		4.85	3.99										0.86	26.55	14.45	10.08	2.02
9	Phạm Thị Thanh Ngọc	NV hỗ trợ PV												15.09	85.29	85.29	0.00	0.00
	Lương hệ số từ tháng 11		3.65	3.00										0.65	19.96	10.86	7.58	1.52
10	Nguyễn Hữu Hội	NV hỗ trợ PV												15.09	85.29	85.29	0.00	0.00
	Lương hệ số từ tháng 11		3.65	3.00										0.65	19.96	10.86	7.58	1.52
11	Đặng Công Thanh	NV hỗ trợ PV												17.41	98.37	98.37	0.00	0.00
	Lương hệ số từ tháng 11		4.20	3.46										0.74	23.02	12.53	8.74	1.75
12	Đinh Văn Quý	NV hỗ trợ PV												15.09	85.29	85.29	0.00	0.00
	Lương hệ số từ tháng 11	NV hỗ trợ PV	3.65	3.00										0.65	19.96	10.86	7.58	1.52

TT	Họ và tên		Hệ số lương và các khoản phụ cấp												Nhu cầu kinh phí năm 2026			
			Tổng cộng hệ số	*Trong đó:*											Tổng cộng	*Trong đó:*		
				Hệ số lương theo ngạch bậc, chức vụ	Hệ số các khoản phụ cấp									Các khoản đóng góp theo lương (BHXH, YT, TN)		Lương 1,49	CCTL	
					Tổng cộng	Trong đó:											CCTL (CL: 1,49-2.34/2,53)	Quỹ tiền thưởng
						Chức vụ	TNVK	Khu vực	Công vụ	UĐ; PC Đảng, đoàn thể	Đặc thù; thâm niên nghề	Trách nhiệm	Khác					
13	Trần Hữu Tài	Nhân viên	2.84	2.34										0.50	38.93	21.18	14.78	2.96
14	Lê Nguyễn Vân Nga	Nhân viên	2.84	2.34										0.50	38.93	21.18	14.78	2.96
15	Nguyễn Lê Xuân Lộc	Nhân viên	2.84	2.34										0.50	38.93	21.18	14.78	2.96
16	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nhân viên	2.84	2.34										0.50	38.93	21.18	14.78	2.96
17	Lê Thị Ánh Hồng	Nhân viên	2.84	2.34										0.50	38.93	21.18	14.78	2.96
18	Nguyễn Duy Khánh	Nhân viên	2.84	2.34										0.50	38.93	21.18	14.78	2.96
19	Ngô Thị Hoà	Nhân viên	2.84	2.34										0.50	38.93	21.18	14.78	2.96
	TỔNG CỘNG		**59.28**	**48.36**	**0.45**	**0.00**	**0.35**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.10**	**0.00**	**133.61**	**1,500.85**	**1,145.74**	**297.43**	**57.68**